

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: P.chờ E304
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 23/03/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0074	Nguyễn Xuân	Hiếu	23/3/1999			
2	TA0075	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	21/6/1999			
3	TA0076	Mai Xuân	Hòa	19/12/1997			
4	TA0077	Nguyễn Thị	Hoài	5/11/2000			
5	TA0078	Lê Việt	Hoàng	16/8/2001			
6	TA0079	Nguyễn Việt	Hoàng	27/9/1999			
7	TA0080	Phạm Việt	Hoàng	10/1/1999			
8	TA0081	Lê Văn	Hoạt	5/7/1998			
9	TA0082	Lê Văn	Huân	28/10/1999			
10	TA0083	Nguyễn Khắc	Huân	2/6/1999			
11	TA0084	Trần Thị Thu	Huệ	17/4/1999			
12	TA0085	Trần Thu	Huệ	12/11/1999			
13	TA0086	Ngô Thế	Hùng	29/8/2000			
14	TA0087	Nguyễn Đức	Hùng	28/1/1999			
15	TA0088	Nguyễn Quốc	Hùng	29/05/1993			
16	TA0089	Lại Thị	Hưng	30/12/2000			
17	TA0090	Nguyễn Đức	Hưng	10/8/1999			
18	TA0091	Nguyễn Đức	Hưng	29/07/1990			
19	TA0092	Kim Thị Thu	Hương	29/5/2000			
20	TA0093	Ngô Duy	Hương	02/03/1984			
21	TA0094	Phạm Thị Thu	Hương	24/7/1999			
22	TA0095	Trần Thị	Hương	15/7/2000			
23	TA0096	Đào Thị	Hường	14/5/1999			
24	TA0097	Đậu Quang	Huy	12/3/1999			

25	TA0098	Đỗ Thế	Huy	6/11/1999			
26	TA0099	Nguyễn Đình	Huy	21/2/1999			
27	TA0100	Nguyễn Quang	Huy	6/9/1999			
28	TA0101	Từ Gia	Huy	05/06/1998			
29	TA0102	Nguyễn Đức	Khánh	23/12/1999			
30	TA0103	Đỗ Đức	Kiên	24/3/1999			
31	TA0104	Nguyễn Thế	Kỷ	15/7/1999			
32	TA0105	Hoàng Hoài	Lâm	6/5/1999			
33	TA0106	Nguyễn Tùng	Lâm	10/4/1999			
34	TA0107	Phạm Tùng	Lâm	8/2/1999			
35	TA0108	Trần Hoàng	Lâm	30/4/1999			
36	TA0109	Hà Thị	Lan	7/3/2000			
37	TA0110	Phạm Thị Thu	Lan	17/4/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)